SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN; Thời gian ký: 2026-09-15T16:17:58+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /2026/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025;

Căn cứ Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7998/TTr-STC ngày 26/8/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Điều lệ Tổ chức hoạt động Quỹ phát triển đất Nghệ An.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này được cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất Nghệ An; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP,Q).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thanh An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động, cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất Nghệ An theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ nhà ở Nghệ An theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An (sau đây gọi tắt là Quỹ);

2. Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ phát triển đất;

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, tạo lập, quản lý vận hành nhà ở, nhà ở xã hội của Quỹ;

4. Tổ chức, cá nhân được thuê nhà ở, nhà ở xã hội của Quỹ;

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ phát triển đất Nghệ An.

2. Tên giao dịch quốc tế: Nghệ An Land Development Fund (Viết tắt: NLDF).

3. Địa chỉ trụ sở: Số 08 đường Trần Huy Liệu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, mục tiêu, chức năng, nguyên tắc hoạt động và người đại diện theo pháp luật.

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định thành lập, hoạt động theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư *(đơn vị nhóm 1)*.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ:

a) Tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở Nghệ An theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP.

4. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ phát triển đất Nghệ An hoạt động theo nguyên tắc độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật; không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất vào các mục đích khác;

b) Quỹ phát triển đất Nghệ An chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ nhà ở Nghệ An; quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ nhà ở đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật; không sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ nhà ở để thực hiện nhiệm vụ khác ngoài mục tiêu hoạt động của Quỹ nhà ở;

c) Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ tự nguyện, nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và nguồn huy động hợp pháp khác phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Việc Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Quỹ nhà ở Nghệ An không làm thay đổi địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, mô hình hoạt động, chế độ tài chính, việc quản lý, sử dụng tài sản, chế độ kế toán và chế độ báo cáo của Quỹ phát triển đất Nghệ An theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

đ) Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và nghiệp vụ, bao gồm cả nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất và Quỹ nhà ở; thực hiện quản lý hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, đầu tư, tạo lập, quản lý vận hành và cho thuê nhà ở trên môi trường điện tử; quản lý hồ sơ điện tử, dữ liệu số, giao dịch điện tử và sử dụng các nền tảng số; thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin theo quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả, công khai, minh bạch, an toàn thông tin và tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, các nhiệm vụ của Quỹ nhà ở địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Quỹ thực hiện đầy đủ các quyền hạn của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, các quyền của Quỹ nhà ở địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Ban kiểm soát.

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ được thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8, 9 Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập.

4. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ phát triển đất Nghệ An đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến hoạt động của Quỹ nhà ở Nghệ An theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế nội bộ của Quỹ.

Điều 7. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, có tối đa 07 (bảy) thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng quản lý, tối đa 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác. Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng quản lý được xác định theo các nguyên tắc sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ. Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách, đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ theo chế độ kiêm nhiệm.

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý còn lại (nếu có) và các thành viên khác của Hội đồng quản lý là lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

d) Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

e) Việc kiện toàn, thay đổi số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đối với hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định 104/2024/NĐ-CP và đối với hoạt động của Quỹ nhà ở theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP.

b) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý; Quy chế ứng vốn; Quy chế chi tiêu nội bộ và các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Quỹ.

c) Thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất; kế hoạch đầu tư, tạo lập, quản lý vận hành Quỹ nhà ở để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

b) Hội đồng quản lý họp thường kỳ mỗi năm hai lần vào giữa năm và cuối năm để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý. Khi cần thiết Hội đồng quản lý có thể họp để giải quyết các vấn đề cấp bách, phát sinh đột xuất của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc theo đề xuất của Giám đốc Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý chấp thuận.

c) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được tổ chức dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

d) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

đ) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp). Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

e) Các nội dung thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên

bản cuộc họp và được các đại biểu tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ của Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

Điều 8. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là Trưởng phòng của Sở Tài chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý; các thành viên Ban kiểm soát là lãnh đạo phòng của các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát: Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; đồng thời, thực hiện kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ nhà ở theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, Quy chế hoạt động của Quỹ nhà ở và các quy định tại Điều lệ này.

Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ). Trường hợp chưa đủ điều kiện thành lập phòng, Giám đốc Quỹ phân công viên chức chuyên trách trực tiếp tham mưu, giúp việc cho Lãnh đạo Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

a) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

d) Các phòng hành chính, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban giám đốc Quỹ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính, quản trị của Quỹ. Việc thành lập các phòng do Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách.

3. Biên chế của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là viên chức.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện, việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh hoạt động chuyên trách của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật về kế toán, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và các quy định khác có liên quan.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đối với nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

b) Trực tiếp triển khai, quản lý, điều hành và phối hợp giám sát các hoạt động đầu tư xây dựng, tạo lập, quản lý vận hành và cho thuê nhà ở đối với nghiệp vụ Quỹ nhà ở theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, Quy chế hoạt động Quỹ nhà ở, các nghị quyết, quyết định của UBND tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo; trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ và thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.

Chương III

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 10. Nguồn vốn hoạt động Quỹ phát triển đất

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Vốn điều lệ được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và được bổ sung từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo chương trình, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất được quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật.

Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP và quy định tại điều lệ này.

4. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động để Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở địa phương

1. Nguồn vốn hoạt động để Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở địa phương được hình thành theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn hình thành từ tiếp nhận nguồn hỗ trợ tự nguyện, nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Tổng mức nguồn vốn hoạt động từ ngân sách nhà nước để Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở được quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật.

3. Quỹ phát triển đất được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại để quản lý nguồn vốn hoạt động của Quỹ nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Quản lý nguồn vốn hoạt động

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An có trách nhiệm mở hệ thống sổ kế toán, tài khoản kế toán và tổ chức quản lý, theo dõi, hạch toán riêng đối với:

a) Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định của Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Nguồn vốn hoạt động để thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở theo quy định của Nghị định số 302/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hai nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này được quản lý, sử dụng, hạch toán kế toán, quyết toán và theo dõi riêng theo quy định của pháp luật; bảo

đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả và không sử dụng nguồn vốn của hoạt động này để thực hiện nhiệm vụ của hoạt động khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 13. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP), cụ thể:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước);

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước;

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

Điều 14. Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng vốn

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn:

a) Hằng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ cho năm sau;

b) Căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được ứng vốn và nguồn vốn hiện có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: Chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho các dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này;

Đối với các dự án ngoài phạm vi tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, chỉ đưa vào kế hoạch ứng vốn các dự án có chủ trương ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án.

c) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a, điểm b của khoản này.

3. Điều kiện ứng vốn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn;

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện;

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng;

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn đối với mức vốn ứng cho một dự án/nhiệm vụ lớn hơn 40 (bốn mươi) tỷ đồng theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn đối với mức vốn ứng cho một dự án/nhiệm vụ nhỏ hơn hoặc bằng 40 (bốn mươi) tỷ đồng;

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

Điều 16. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng:

Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất không vượt quá mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong cùng thời kỳ. Cụ thể:

a) Đối với các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất: mức chi phí quản lý vốn ứng bằng với mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

b) Đối với các dự án, nhiệm vụ khác: căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi phí quản lý vốn ứng cho từng dự án, nhiệm vụ trong chủ trương ứng vốn từ Quỹ.

c) Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn. Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ như sau:

$$\text{Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ} = \text{Tổng số tiền ứng vốn thực tế của từng dự án, từng nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết định ứng vốn của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này)} \times \text{Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ}$$

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ phát triển đất được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 17. Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP.

2. Việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ phát triển đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

Điều 18. Xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Trong trường hợp tổ chức ứng vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng và trái với các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước hoặc chưa hoàn trả vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng theo quy định: Quỹ có quyền tạm ngừng việc giải ngân vốn ứng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; tổ chức ứng vốn có trách nhiệm bố trí nguồn vốn hoàn trả cho Quỹ.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà

bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức được ứng vốn không hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng đúng thời hạn mà không có văn bản giải trình nêu rõ nguyên nhân thì Quỹ có trách nhiệm xử lý theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng ứng vốn, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức được ứng vốn chưa thể hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng đúng thời hạn do thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện dự án; thiên tai, hỏa hoạn, sự kiện bất khả kháng hoặc các nguyên nhân khách quan khác làm ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án và việc hoàn trả vốn ứng thì được xem xét gia hạn thời gian hoàn trả. Tổ chức được ứng vốn phải có văn bản giải trình gửi Quỹ trước thời điểm hoàn trả ít nhất 30 ngày, trong đó nêu rõ nguyên nhân, tình hình thực hiện dự án và thời gian dự kiến hoàn trả. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án, Quỹ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định việc gia hạn theo quy định tại Điều lệ này.

4. Việc gia hạn hoàn trả vốn ứng được thực hiện trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế của dự án, nguyên nhân chậm hoàn trả và khả năng hoàn trả vốn ứng. Thẩm quyền quyết định gia hạn thực hiện theo thẩm quyền quyết định ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này.

Điều 19. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác thuộc tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với bên ủy thác. Quyết định hoặc Hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Phát triển đất Nghệ An);

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;

c) Số vốn ủy thác, việc quản lý vốn nhận ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt Quyết định hoặc Hợp đồng ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm, tranh chấp (nếu có);

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) của Quỹ.

4. Việc nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ quy định tại Điều lệ này.

5. Quỹ được hưởng khoản thu từ việc nhận ủy thác và được xác định là khoản thu của Quỹ.

Chương V

HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG CỦA QUỸ NHÀ Ở NGHỆ AN

Điều 20. Hoạt động nghiệp vụ Quỹ nhà ở

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An có trách nhiệm thực hiện các mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Quỹ nhà ở Nghệ An theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, quy định tại điều lệ này và Quy chế hoạt động của Quỹ nhà ở Nghệ An do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền; ban hành các quy chế nội bộ, quy trình nghiệp vụ và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 21. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ được thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (*đơn vị nhóm 1*). Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính, quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Nghị định số 302/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Đất trụ sở của Quỹ phát triển đất thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 22. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu, chi của Quỹ được quản lý, hạch toán, theo dõi riêng đối với:

a) Hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại các khoản 1,2,5 Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, quy định tại điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Hoạt động thực hiện mục tiêu, chức năng của Quỹ nhà ở theo quy định của Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Hoạt động theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

3. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ và thực hiện chế độ công khai tài chính đối với từng hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của pháp luật.

4. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo điện tử, công khai thông tin tài chính và hoạt động nghiệp vụ trên môi trường số theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 23. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính của Quỹ.

2. Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định pháp luật có liên quan.

a) Hằng năm, Quỹ phát triển đất Nghệ An có trách nhiệm lập và gửi báo cáo tài chính năm đến Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời hạn gửi báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Quỹ phát triển đất Nghệ An có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đối với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đối với từng hoạt động của Quỹ.

3. Quỹ phát triển đất Nghệ An chịu sự kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này. Việc kiểm tra, giám sát, thanh tra và kiểm toán được thực hiện đối với từng nguồn vốn và từng hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 24. Mối quan hệ và trách nhiệm

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và trưởng Ban kiểm soát;

b) Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về hoạt động kiểm tra, giám sát; phối hợp với các cơ quan có chức năng kiểm tra giám sát về hoạt động của Quỹ; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý về chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Quỹ; điều hành Quỹ thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định trước Hội đồng quản lý và pháp luật.

2. Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

a) Quỹ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; cung cấp thông tin, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Quỹ phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc tuyên truyền, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và điều lệ hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã hội.

3. Quỹ với Tổ chức được ứng vốn

a) Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức ứng vốn trong việc lập kế hoạch ứng vốn; trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn; xây dựng phương án hoàn trả vốn ứng, xác định chi phí quản lý sử dụng vốn ứng; kiểm tra, sử dụng vốn ứng;

b) Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Quỹ. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

4. Quỹ với tổ chức vận hành nhà ở xã hội

a) Quỹ có trách nhiệm lựa chọn, ký kết hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực chuyên môn để quản lý vận hành nhà ở do Quỹ đầu tư, tạo lập theo quy định; thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ của đơn vị quản lý vận hành;

b) Đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm cung cấp dịch vụ đúng chất lượng đã cam kết trong hợp đồng.

5. Quỹ với các đối tượng thuê nhà ở xã hội

a) Quỹ có trách nhiệm thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng thuê nhà; thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý, sử dụng nhà ở đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại hợp đồng;

b) Bên thuê nhà có trách nhiệm chấp hành nghiêm nội quy quản lý vận hành; thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền thuê nhà và các chi phí liên quan; sử dụng nhà ở đúng đối tượng, đúng mục đích; không được tự ý cải tạo, cho thuê lại hoặc chuyển nhượng dưới mọi hình thức; có trách nhiệm bàn giao lại nhà ở khi chấm dứt hợp đồng hoặc thuộc trường hợp phải thu hồi theo quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng.

6. Quỹ với các Tổ chức, cá nhân có vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ

a) Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý công khai, minh bạch nguồn vốn hoạt động huy động từ vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định;

b) Các tổ chức, cá nhân có vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ được quyền kiểm tra, giám sát trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động của tổ chức, cá nhân đó cho Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP, Nghị định 302/2025/NĐ-CP, điều lệ này và pháp luật có liên quan.

7. Trách nhiệm phối hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu: Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp, cập nhật, xác nhận và chia sẻ dữ liệu; đồng thời thiết lập, vận hành phương thức trao đổi dữ liệu điện tử giữa các bên, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và kịp thời trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã có trong kế hoạch ứng vốn từ Quỹ trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà chưa được ứng vốn thì tiếp tục ứng vốn để hoàn thiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc ứng vốn được thực hiện theo quy trình, thủ tục, hồ sơ quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP và quy định tại Chương IV của Điều lệ này.

2. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng và trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định, Hợp đồng ứng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với Quỹ; tham mưu cấp, bổ sung vốn điều lệ, bố trí nguồn vốn hoạt động và các nội dung tài chính khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và hoạt động tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc Quỹ phát triển đất Nghệ An thực hiện mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Quỹ nhà ở địa phương theo quy định của pháp luật về nhà ở.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét, hoàn thiện dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ nhà ở Nghệ An do Quỹ phát triển đất Nghệ An đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

3. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực đất đai phục vụ hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai; phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Quỹ phát triển đất Nghệ An trong việc thực hiện nhiệm vụ; hướng dẫn, thẩm định, giải quyết các thủ tục thuộc thẩm quyền; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Quỹ phát triển đất Nghệ An trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất, phát triển nhà ở và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức được ứng vốn, chủ đầu tư dự án, đơn vị quản lý vận hành nhà ở, đối tượng thuê nhà ở, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, hợp tác, tài trợ, hỗ trợ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận, hợp đồng đã ký kết với Quỹ phát triển đất Nghệ An; phối hợp cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, thông tin theo yêu cầu; chịu sự kiểm tra, giám sát của Quỹ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

6. Trách nhiệm của Quỹ phát triển đất Nghệ An

a) Tổ chức quản lý, điều hành và sử dụng các nguồn vốn được giao bảo đảm an toàn, hiệu quả, đúng mục đích; bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện đầy đủ chế độ tài chính, kế toán, báo cáo, công khai, kiểm toán theo quy định của pháp luật.

b) Xây dựng dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ nhà ở Nghệ An, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

c) Tổ chức thực hiện các hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định của Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 291/2025/NĐ-CP, Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Tổ chức thực hiện mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Quỹ nhà ở địa phương theo quy định của Nghị định số 302/2025/NĐ-CP, Điều lệ này, Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ nhà ở Nghệ An do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và các quy định pháp luật có liên quan.